TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2024 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1981

Địa chỉ: Nhà không số, đường TNH, khóm N, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Nhà không số, đường LVL, khóm M, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị G trình bày*:

Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Phan Thanh T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã sống ly thân đến nay 12 năm, vì vậy chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Con chung: Có hai con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 19/9/2005 và Phan Trung T1, sinh ngày 01/12/2008. Đối với Gia B đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, đối với Trung T1 hiện đang sống cùng chị G nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Chị G xác định không có nợ chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Phan Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2005 ngày 17/6/2005 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T, thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên theo chị G xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên đã ly thân nhau 12 năm, chị không còn tình cảm với anh T nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh T. Ngược lại đối với anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để anh T đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh T cũng không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị G. Xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị G với anh T như đã nêu là lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị G được ly hôn với anh T.

[2] Con chung: Có hai con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 19/9/2005 và Phan Trung T1, sinh ngày 01/12/2008. Đối với Gia B đã trưởng thành, chị G không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, nên không xem xét. Đối với Trung T1 có nguyện vọng tiếp tục theo sống cùng chị G, do đó để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của Trung T1 nên chấp nhận yêu cầu của chị G, giao Trung T1 cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị G không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình chị G phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị G.

- Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phan Thanh T.

- Con chung: Giao cháu Phan Trung T1, sinh ngày 01/12/2008 hiện đang sống với chị G cho chị G tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phan Thanh T không cấp dưỡng nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ngày 01/7/2024 chị G đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0008936 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Việt Trung